

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/8/2023.

V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hoàng và ông Lê Trung Thiêng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3
năm 2023 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm
2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị A, sinh năm 1970,

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970,

Cùng địa chỉ: Thôn HL, xã Duy T, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị A trình bày:

Bà Võ Thị A và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau năm 1991 nhưng không
có đăng ký kết hôn theo quy định. Ông bà chung sống nhưng không có hạnh phúc.
Đến năm 2007 thì mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm. Nguyên nhân là do ông T thường

xuân uống rượu, về gây gỗ, đA đập, ghen tuông vô cớ. Bà A xét thấy không còn tình cảm với ông T và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Văn Quốc, sinh ngày 29/7/1992, Nguyễn Văn Việt, sinh ngày 16/9/1994 và Nguyễn Văn Thắng, sinh ngày 03/8/2007. Đối với Nguyễn Văn Quốc và Nguyễn Văn Việt đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà A có nguyện vọng nuôi con là Nguyễn Văn Thắng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu giải quyết;

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2023 cho ông Nguyễn Văn T bằng hình thức niêm yết công khai theo đúng trình tự thủ tục.

Hết thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 BLTTDS ông Nguyễn Văn T không có văn bản trả lời ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà A cũng như văn bản xin gia hạn thời hạn trả lời theo quy định.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù ông T có mặt tại địa phương và Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định.

Vì vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa bà Võ Thị A và ông Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Văn Thắng cho bà A nuôi dưỡng.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

Đơn ly hôn và bản khai, Bản sao giấy khai sinh của các con, Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng, Bản sao giấy chứng minh nhân dân. Bản sao sổ hộ khẩu. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị A và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay và không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình tố tụng, ông T không trả lời ý kiến đối với yêu cầu của bà A nhưng qua kết quả xác minh thể hiện bà A và ông T sống chung từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, bà A xét thấy mâu thuẫn trong đời sống chung đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên bà A đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị A và ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Văn Quốc, sinh ngày 29/7/1992, Nguyễn Văn Việt, sinh ngày 16/9/1994 và Nguyễn Văn Thắng, sinh ngày 03/8/2007. Bà A có nguyện vọng nuôi cháu Thắng, cháu Thắng cũng muốn được ở với mẹ nên giao con chung cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà A không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 321/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bà Võ Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị A và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thắng, sinh ngày 03/8/2007 cho bà Võ Thị A trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Võ Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 2387 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/8/2023). Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Aãn thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNam
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- UBND xã DT.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám